TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2026/DS-ST
Ngày 28/4/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thu Hồng
2. Bà Trần Thị Sẩm

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:* Bà Lê Thị Sương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Đinh Thị Huyền Đăng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 396/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2026/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2026/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ 4, khu phố D, phường B, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1981. Địa chỉ: 47/1 ấp Thạnh Q, xã Thạnh P, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân ông Nguyễn Quốc T trả cho bà số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sau triệu) và 01 chỉ vàng 9999, không yêu cầu tính lãi. Cụ thể: Ngày 04/10/2024, ông T vay của bà là 10.000.000 đồng (mười triệu), vay không lãi suất, thời hạn vay khi nào bà cần thì ông T trả, ông T vay tiền để chuộc căn cước, khi vay không có làm giấy. Vào ngày 04/11/2024 ông T vay của bà

25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu), vay không lãi suất, thời hạn vay khi nào bà cần thì ông T trả, ông T vay tiền để chuộc bằng lái xe, khi vay ông T ghi giấy cộng hai khoản nợ gồm 10.000.000 đồng vay ngày 04/10/2024 và 25.000.000 đồng vay ngày 04/11/2024, tổng cộng là 35.000.000 đồng. Bản chính giấy vay do bà giữ. Ngày 17/11/2024 ông T vay của bà 01 chỉ vàng 9T9 (chín tuổi chín hay còn gọi là 9999), việc vay không có lãi suất, khi vay có làm giấy do ông T ghi, vay không thời hạn, ông T vay để chuộc bằng lái xe. Quá trình thực hiện hợp đồng đến nay, bà có gọi điện đòi tiền và vàng thì ông T hứa sẽ trả cho bà nhưng sau đó ông T không trả. Trong quá trình vay tiền ông T có gửi cho bà hình ảnh giấy căn cước của ông T là 083081018505.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Quốc T đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành các hoạt động tố tụng theo đúng quy định chung về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21, 26, 35, 39, 58, 143, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các Điều 117, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Quốc T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 36.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 9999. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Căn cứ vào đơn khởi kiện, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 9 -Vĩnh Long có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các

đương sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, bà Nguyễn Thị D yêu cầu ông Nguyễn Quốc T trả số tiền 36.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 9999. Căn cứ bà D yêu cầu bao gồm: 01 giấy nợ ngày 17/11/2024 thể hiện ông Nguyễn Quốc T có mượn của bà D 01 chỉ vàng 9999, 01 giấy nợ không ghi ngày, tháng, năm có nội dung *"Tôi có mượn chị D 25 triệu + 10 triệu…"* thể hiện tổng số tiền ông T còn nợ là 35.000.000 đồng; 01 giấy nợ ngày 13/9/2024 thể hiện khoản vay 1.000.000 đồng. Các giấy nợ nêu trên đều thể hiện rõ người vay là ông Nguyễn Quốc T, người cho vay là bà Nguyễn Thị D, số tiền và tài sản vay cụ thể, qua đó có đủ căn cứ xác định giữa các bên có phát sinh quan hệ vay tài sản giữa các bên. Tuy nhiên, các giấy nợ không thể hiện thỏa thuận về thời hạn vay và cũng không có nội dung về lãi suất. Theo lời trình bày của bà D thì khi nào bà cần thì ông T có trách nhiệm hoàn trả cho bà, bà không yêu cầu ông T trả lãi. Do đó, việc vay tiền giữa bà D và ông T được xác định là vay không xác định thời hạn và không có lãi suất, phù hợp với quy định về hợp đồng vay tài sản theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, không phản đối yêu cầu khởi kiện của bà D và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán tiền vay cho bà D. Do đó, có căn cứ xác định ông Nguyễn Quốc T còn nợ bà D số tiền 36.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 9999 nên ông T có nghĩa vụ trả cho bà D.

Bà D không yêu cầu ông T trả lãi chậm trả đối với số tiền còn nợ nên ghi nhận.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận toàn bộ nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ trả theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/QH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể như sau:

36.000.000 đồng x 5% = 1.800.000 đồng; 01 chỉ vàng có giá 16.800.000 đồng x 5% = 840.000 đồng. Tổng số tiền án phí ông T phải nộp là 1.800.000 đồng + 840.000 đồng = 2.640.000 đồng.

Do bà D được miễn nộp tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xử lý tiền tạm ứng án phí.

[4] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các 26, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Buộc ông Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 36.000.000 đồng và 01 (một) chỉ vàng 9999.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.640.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSNDKV9-Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (1b) ;
- Các đương sự (2b)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở